https://trungtamthuoc.com/

central pharmacy
TrungTamThuoc.com

KYOMINOTIN

Dung dịch tiêm

THÀNH PHẦN: Mỗi ống 20ml có chứa:
Monoammonium Glycyrrhizinate
(tương đương với Glycyrrhizinic acid) ..... 53,00 mg
Glycine ..... 40 mg
L-Cysteine ..... 800,00 mg
(tương đương với L-Cysteine HCl ..... 15,37 mg
Tính thể: Dung dịch trong suốt không màu hoặc gần như không màu.
Tá dược: Natri Bisulfit, Natri Hydroxid, Acid Hydrochloric, Nước cất pha tiêm.

DẠNG BÀO CHẾ:
Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch

DƯỢC LỰC HỌC:
(1) Tác dụng ức chế sự phá huỷ tế bào gan thực nghiệm
Người ta đã nuôi cấy tế bào gan của chuột nhắt và chứng minh Glycyrrhizin có thể ức chế sự phá huỷ tế bào gan bị tổn thương bởi Carbon Tetrachloride.
(2) Tác dụng ức chế sự gia tăng và làm bất hoạt các virút.
Trên mô hình thực nghiệm chuột bạch nhiễm virút viêm gan, người ta đã chứng minh rằng thời gian sống kéo dài sau khi dùng thuốc.
Thuốc có thể ức chế virút đậu mùa ở thỏ trắc địa mùa thực nghiệm, điều đó chứng tỏ rằng Kyominotin có thể phòng tránh được căn bệnh đậu mùa.
Người ta đã phát hiện rằng Kyominotin có thể ức chế sự gia tăng của virút Herpes và làm bất hoạt chúng.
Glycine và L-cysteine hydrochloride có thể ức chế hoặc làm giảm sự bất thường trong chuyển hoá chất điện giải và sự tăng aldosterone gia ốc dùng Glycyrrhizin kéo dài.
(3) Tác dụng chống viêm
Tác dụng chống dị ứng
Thuốc tiêm Kyominotin có tác dụng ức chế đối với sự đáp ứng của Arthus và Shwartzman khi thực nghiệm trên thỏ, tức là nó có tác dụng chống dị ứng. Đối với tác dụng của Cortisone, Kyominotin làm tăng cường tác dụng ức chế hoạt động thần kinh và làm mất tác dụng chống sốc hạt và mất tác dụng teo tuyến ức, nhưng không tác động đến tác dụng chống thâm nhiễm.
Tác dụng ức chế hoạt động của Phospholipase A2
Enzym Protein kinase và kinase P thuộc nhóm AMP sẽ gắn kết khi nồng độ Glycyrrhizin khoảng 10-30micromol/L. Nó sẽ ức chế hoạt động của Phospholipase A2. Đó là bởi vì Protein kinase và kinase thuộc nhóm AMP sẽ sinh ra Lipocortin I Phospho oxy hoá. Lipocortin I là chất ức chế Phospholipase A2. Nghĩa là, Glycyrrhizin có tác dụng ức chế cả trình chuyển hoá Acid Arachidonic.
(4) Điều tiết miễn dịch
Đã chứng minh Glycyrrhizin có các tác dụng như sau :
Hoạt hoá và điều tiết tế bào T.
Dự sinh interferon-V.
Hoạt hoá tế bào NK.
Tăng cường sự phân ly của Lymphocyte T trên bề mặt của tuyến ức.

DƯỢC ĐỘNG HỌC:
Phân bố: Thông thường khi tiêm tĩnh mạch 40ml Kyominotin (tương đương với 80 mg Glycyrrhizin), nồng độ của các chất có nguồn gốc từ Glycyrrhizin tăng nhanh sau 10 giờ, sau đó giảm dần.
Chuyển hóa: Acid Glycyrrhetic, chất thủy phân của Glycyrrhizin, xuất hiện khoảng 6 giờ sau khi tiêm, đạt nước tối đa sau 24 giờ và bắt đầu biến mất sau 48 giờ.
Thải trừ: Thông thường nồng độ Glycyrrhizin trong nước tiểu giảm dần theo thời gian sau khi tiêm tĩnh mạch. Lượng bài tiết khoảng 1,2% liều dùng.

NGHIÊN CỨU LÂM SÀNG:
1. Nghiên cứu mù đôi viêm gan mạn tính:
Tổ cơ sở nghiên cứu ở Nhật Bản, 133 bệnh nhân bị viêm gan mạn tính được tiêm tĩnh mạch 40ml mỗi ngày, liên tục trong 1 tháng, tiến hành nghiên cứu mù đôi, kết quả như sau:
Trong 67 bệnh nhân sử dụng thuốc, cho thấy: hiệu quả rõ là 2 bệnh nhân (3,0%), hiệu quả tương đối là 15 bệnh nhân (22,4%), hiệu quả ít là 29 bệnh nhân (43,3%), không có hiệu quả là 46 bệnh nhân (68,7%).
Trong 66 bệnh nhân dùng giả dược, có hiệu quả là 17 bệnh nhân (25,8%).
Các kết quả cho thấy sự khác nhau rõ rệt giữa hai nhóm thống kê (P < 0,001). Nhìn chung thuốc có tác dụng phục hồi chức năng gan rõ rệt. Các xét nghiệm đánh giá chức năng gan như là tăng Transaminase và gamma-GTP thể hiện sự khác biệt rõ rệt giữa hai nhóm thống kê. Nhưng chưa theo dõi được các tác dụng phụ.
2. Các nghiên cứu lâm sàng khác
59 bệnh nhân viêm gan mạn tính sử dụng 60ml mỗi ngày, kéo dài trong 4 tuần.
Bác sỹ điều trị đã xác định sự phục hồi chức năng gan, kết quả kiểm tra lần thứ nhất và lần thứ hai tương ứng là 89,8% và 81,4%.
Bác sỹ điều trị đã xác định tổng tỷ lệ phục hồi là 89,8%, độ an toàn đạt 100% và có hiệu quả là 71,2%.
Trong một nghiên cứu khác, các bệnh nhân bị viêm gan mạn tính sử dụng 100ml thuốc này mỗi ngày, liên tục trong 8 tuần, kết quả cho thấy chức năng gan hầu như phục hồi hoàn toàn, và cũng thấy sự phục hồi đáng kể khi quan sát tổ chức tế bào gan qua kính hiển vi.
Hiệu quả điều trị chống viêm trên các bệnh nhân dị ứng nhiều loại như sau: Chứng mẫn đỏ cấp 65,7% (90/137 bệnh nhân), chứng mẫn đỏ mạn tính 42,7% (32/75 bệnh nhân), Eczema và viêm da 63,6% (2371/3728 bệnh nhân), phát ban do thuốc và phát ban do nhiễm độc 87,3% (48/55 bệnh nhân), Strophulus 78,5% (139/177 bệnh nhân), viêm miệng 56,1% (83/148 bệnh nhân).

3. Theo dõi tác dụng phụ:
(1) Trong số 789 bệnh nhân trong 73 các báo nghiên cứu liên quan đến việc sử dụng thuốc này cho các bệnh nhân viêm gan, thấy như sau:
- 59 bệnh nhân (7,5%) xuất hiện giảm kali huyết. Trong đó tiêu bằng ngày 40ml là 3,3% (11/334 bệnh nhân) và 60-100ml là 10,6% (48/453 bệnh nhân). Tác xuất xuất hiện tăng theo liều dùng. Tuy nhiên, ở người già, lâu xuất này tăng lên ngay cả khi sử dụng trong thời gian ngắn. Chính vì vậy cần phải kiểm tra kali huyết thường xuyên trong quá trình sử dụng thuốc.
- 33 bệnh nhân (4,4%) xuất hiện tăng huyết áp. Trong đó liều bằng ngày 40ml là 1,2% (4/334 bệnh nhân) và 60-100ml là 8,8% (31/453 bệnh nhân). Người ta, xuất hiện đau đầu, sốt, phù mặt và các dược tượng qua, mỗi liên hiện ở mỗi một bệnh nhân. Xuất hiện nặng một và như dưới ở hai bệnh nhân.
(2) 106 sơ sở nghiên cứu ở Nhật Bản đã có nghiên cứu mối tương quan giữa liều qua và tác dụng phụ. 8213 bệnh nhân viêm gan mạn tính được sử dụng thuốc này trong 3 năm. Xuất hiện tác dụng phụ ở 10 bệnh nhân, tổng số 11 lần xuất hiện (0,24%), bao gồm cảm thấy bất thường, một mức, đau cơ, tăng huyết áp mức trên hiện xuất hiện ở mức một bệnh nhân, phát ban đa ở 2 bệnh nhân, kali huyết có xu hướng giảm rõ ở 5 bệnh nhân. Nhưng rất và điều trở về bình thường khi ngừng dùng thuốc.

CHỈ ĐỊNH:
Phục hồi chức năng gan bất thường do rối loạn chức năng gan mạn tính. Giải độc gan. Chống dị ứng. Dùng trong các trường hợp Eczema, mẩn mề đay, viêm da.

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG:
Liều dùng thông thường cho người lớn là 1 lần mỗi ngày 20ml, tiêm tĩnh mạch. Điều chỉnh liều theo tuổi và triệu chứng bệnh.
Sử dụng trong trường hợp bệnh viêm gan mạn tính, dùng 1 lần mỗi ngày, 40-60ml, tiêm truyền tĩnh mạch. Điều chỉnh liều theo tuổi hoặc triệu chứng bệnh, nhưng liều dùng tối đa không vượt quá 100ml mỗi ngày.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:
Bệnh nhân có tiền sử dị ứng với thành phần của thuốc.
Bệnh nhân bị chứng tăng aldosterone, bệnh tế cơ, giảm Kali huyết.

THẬN TRỌNG VÀ CẢNH BÁO:
Để tránh sốc, bác sỹ cần hỏi kỹ tiền sử của bệnh nhân.
Phải có khả năng điều trị sốc.
Bệnh nhân giữ yên lặng và theo dõi cẩn thận sau khi dùng thuốc.
Không được dùng lặp lại nếu bệnh nhân đã sử dụng một chế phẩm Glycyrrhizin khác. Với những người cao tuổi.

SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:
Chưa có các nghiên cứu thỏa đáng và có kiểm soát ở phụ nữ mang thai và cho con bú.
Không dùng thuốc cho các bệnh nhân thuộc nhóm này trừ khi lợi ích mong đợi cao hơn các nguy cơ có thể xảy ra.

ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:
Không

TƯƠNG TÁC THUỐC:
Do Glycyrrhizin làm tăng bài tiết kali nên khi sử dụng cùng với các thuốc lợi tiểu Thiazide (Ethiazide và Trichlormethiazide) hoặc các thuốc lợi tiểu dạng vòng (Ethacrynic và Furosemide) có thể gây giảm kali huyết.

TÁC DỤNG PHỤ:
Sốc, giảm kali huyết
Tác dụng phụ khác: phát ban.
Ghi chú: THÔNG BÁO CHO BÁC SĨ CÁC TÁC DỤNG NGOẠI Ý GẶP PHẢI TRONG QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG THUỐC.

QUÁ LIỀU: Không có báo cáo

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN: Trong bao bì kín, tránh ánh sáng và tránh lạnh. Bảo quản ở nhiệt độ phòng không quá 30°C.

ĐÓNG GÓI: Hộp 10 ống x 20ml.

TIÊU CHUẨN: Nhà sản xuất.

HẠN DÙNG: 3 năm kể từ ngày sản xuất.

Không sử dụng thuốc quá hạn dùng

THUỐC NÀY CHỈ ĐƯỢC BÁN THEO ĐƠN CỦA THẦY THUỐC
TRÁNH XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.
NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SỸ.
KHÔNG ĐƯỢC DÙNG THUỐC QUÁ LIỀU CHỈ ĐỊNH.

Sản xuất tại Nhật Bản bởi:

Harasawa Pharmaceuticals Co., Ltd. Saitama Plant
23-24 Hazayama 2-Chome, Midori-ku, Saitama city, Saitama prefecture -Japan